

TRIẾT LÝ CHÂN NHƯ VÀ TINH THẦN TỊNH LẠC TRONG THƠ VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

Đặng Thị Đông¹

TÓM TẮT

Phật giáo thường nhắc đến chân như, vô ngã, an lạc, duyên khởi và coi những triết lý này như là những điểm mấu chốt. Thơ Việt Nam giai đoạn từ 1945 đến nay tiếp thu tinh thần Phật giáo đã cho thấy mối quan hệ bình đẳng, hòa quyện giữa con người với con người, hữu tình và vô tình, sự sống và cái chết, thế gian và xuất thế gian..., tất cả cùng hiện hữu ngay “tại đây” và “bây giờ”. Điều này có thể khảo sát và thấy rõ qua thơ của các tác giả chịu ảnh hưởng Phật giáo từ năm 1945 đến nay như: Quách Tấn, Bùi Giáng, Phạm Thiên Thu, Nhất Hạnh, Viên Minh, TK Thiện Hữu, Nguyễn Đức Sơn, Minh Đức Triều Tâm Ảnh, Tiểu Viên... Bài báo hướng đến làm rõ triết lý chân như và tinh thần tịnh lạc trong thơ Việt Nam hiện đại qua một số tác giả tiêu biểu.

Từ khóa: Triết lý Phật giáo, chân như, tịnh lạc, thơ Việt Nam hiện đại.

1. MỞ ĐẦU

Nhân sinh quan Phật giáo hướng đến con người với vị trí trung tâm. Phật giáo thường nhắc đến chân như, vô ngã, an lạc, duyên khởi và coi những triết lý này như là những điểm mấu chốt. Khi không còn phân biệt thân sơ, người cảnh, thế nhập hòa tan với tất cả bằng năng lượng của lòng từ bi tràn ngập thì con người có thể an nhiên trong mọi hoàn cảnh và điều kiện. Hiểu được “chân như” sẽ sống được với “vô ngã” trong tinh thần của “tịnh lạc”, tất cả đều diễn ra tự nhiên mà hết sức đầy đủ, trọn vẹn. Những lời dạy tốt đẹp của đức Phật được nhiều người tiếp thu và có ảnh hưởng đến thơ Việt Nam hiện đại. Triết lý “chân như” và tinh thần “tịnh lạc” xuất hiện trong thơ hiện đại khiến thơ Việt Nam thêm phong phú và sâu sắc. Tiêu biểu cho việc tiếp thu tư tưởng này của Phật giáo trong thơ Việt Nam từ năm 1945 đến nay phải kể đến các tác giả như: Quách Tấn, Bùi Giáng, Phạm Thiên Thu, Nhất Hạnh, Viên Minh, TK Thiện Hữu, Nguyễn Đức Sơn, Minh Đức Triều Tâm Ảnh, Tiểu Viên...

2. NỘI DUNG

2.1. Nhận ra chân như thật tính

Khi giác ngộ pháp, thế nhập được rồi thì bản lai diện mục, chân như thật tính tự hiện tiền. Chân như là sự thật của bản thể không đến không đi, không còn không mất, không như không sạch, không tăng không giảm, là chân lý bất di bất dịch vốn có ở trong vạn vật nhưng lại không thể dùng ngôn ngữ mà diễn bày. Nhận ra chân như thật tính luôn là cái đích cuối cùng mà hành giả muốn khám phá sau khi đi tìm.

¹ NCS chuyên ngành Văn học Việt Nam, Trường Đại học Hồng Đức; Email:hanhnguyenthichnu87@gmail.com

Bài *Phổ nhập* của Nhất Hạnh cho thấy mối quan hệ duyên sinh giữa *tôi* và *thế giới*. Thơ ông cho thấy thời gian vô thủy vô chung vạn vật đã có mặt trong nhau và đồng sinh đồng diệt trong cùng một bản thể, khẳng định không nên sợ hãi, phủ nhận tất cả những chống trái thuận nghịch của cuộc đời, khuyên hãy cứ bình yên ngắm nhìn vạn pháp vạn chuyển theo quy luật của nó:

*“Dòng suối đã có sẵn tôi
Chúng ta không lúc nào không tương tức
Bởi vậy chùng nào em còn thờ
Thì em đừng bảo là tôi không có trong em”*
(*Phổ nhập*)

Nhất Hạnh đã sống trọn vẹn trong pháp thể nhập chân như. Vì vậy, thơ ông chuyển tải sâu sắc tư duy thiền sự lý viên dung nhất nguyên: *Em không phải là Tạo Sinh mà chỉ là Biểu Hiện (Trùng ca Avril)*. Thơ ông còn cho thấy tính chất duyên sinh tục đế, hiển bày các pháp chân đế, và trong mối quan hệ hình thức với nội dung thì tất cả đều bắt nguồn từ một gốc Như Lai tạng:

*Tìm tôi qua thanh sắc đã sinh và đã mất
Để thấy rằng tôi vẫn còn chân thực
Chưa bao giờ đi
Chưa bao giờ đến
...
Chân Như sẽ xuất hiện màu nhiệm nơi từ sinh
Tôi đang mỉm cười an nhiên trong giây phút hiện tại*
(*Một mũi tên rơi hai cò huyễn tượng*)

Bùi Giáng với tính triết lý/triết luận - trữ tình, khi thâm nhập tính “không”, ông đã biết bản thể không dễ khám phá nhưng có thật. Đọc thơ Bùi Giáng mà không hiểu được yếu chỉ của kinh điển Đại thừa Phật giáo không dễ giải mã đúng ý thơ ông muốn viết. Mặc dù chưa đến tận cùng cảnh giới niết-bàn nhưng Bùi Giáng hiểu bản thể chân như vượt ngoài ngôn thuyết của các pháp hữu vi.

*Hỏi rằng người ở quê đâu
Thưa rằng: tôi ở rất lâu quê nhà
Hỏi rằng: từ bước chân ra
Vì sao thấy gió ngàn xa dậm dài
Thưa rằng: Nói nữa là sai*
(*Chào Nguyễn Xuân*)

Trong thơ ông, tất cả có vẻ như *hỗn độn* nhưng đều bắt nguồn từ *cổ quận*, từ bản thể *chân như*. *Hỗn mang* về giữa *hiên nhà/ Bấy giờ cổ quận tên là chiêm bao (Rượu uống)*. Ông chiêm nghiệm cội nguồn nguyên ủy của bản thể, của tính giác, của cái ban đầu khi chưa bị phân ra. *Cổ quận* có nghĩa chỉ ý này. Và trên nền tư duy của triết học Phật giáo, ông biết do vô minh, con người ta đã bị đẩy đi xa cái chân như thật tính mà thành ra mê đắm *chiêm bao*, *hỗn mang* giữa đời, do một niệm bất giác mà thành ra muôn hình vạn trạng bởi

cái tâm chấp dính vẽ vờ. Vì biết rằng “cổ quận” và tất cả mọi nơi khác cũng đều có mặt trong nhau giữa pháp giới bao la mà không hề tách biệt, vượt ngoài phân biệt nhị nguyên.

Trong *Mưa nguồn*, ông gián tiếp đề cập đến cội nguồn vô thủy vô chung, trở về điểm mở đầu trong trẻo khi chúng sinh chưa gây nghiệp: *Em từ Mọi Nhỏ thanh tân/ Mười hai con mắt thiên thân mở ra (Mười hai con mắt)*. *Mọi Nhỏ thanh tân* hay chính là cái bản nguyên khởi đầu trong trẻo, *Mười hai con mắt* ý chỉ cho mười hai mắt xích nhân duyên hình thành nên sự tái sinh của con người trong cõi đời theo triết học Phật giáo, nên nhà thơ mới viết *thiên thân mở ra*. Có thể thấy, trong *Mưa nguồn*, mọi sự vật hiện tượng và con người dường như hòa vào nhau, tan ra vào nhau, không khái niệm, tất cả đều trọn vẹn nguyên sơ như chính bản chất tự nhiên của nó. Đó là vẻ đẹp của thiên yên lặng trong trực quan không phân biệt nhưng có thể thấy tất cả để trở về nguồn, hay chính là trở về với vô thủy vô chung của Phật tính, của bản thể. Bùi Giáng nhận ra quy luật sinh - già - bệnh - chết của một đời người, quan trọng là ngộ ra để sớm buông bỏ, để sống bình yên, để lặng ngắm các pháp mà bản thân mình hòa nhập trong đó nhưng không hề chống trái hay bị ràng buộc, tan biến vào nhau trong thể tính *nguyên màu chân* như:

*Em về mấy thế kỷ sau
Nhìn trăng có thấy nguyên màu ấy không
(Mưa nguồn)*

Nhiều bài thơ của Quách Tấn cho thấy mối quan hệ duyên sinh của con người trong “mười hai mắt xích duyên khởi” của đạo Phật (được ví như *mười hai mùa lá rụng*). Từ thời gian vô thủy vô chung, thơ ông thể hiện tư tưởng rằng vạn vật đã có mặt trong nhau và đồng sinh đồng diệt trong cùng một bản thể. Ông khuyên người ta hãy cứ bình yên ngắm nhìn vạn pháp vận chuyển theo quy luật của nó giữa hai mặt khái niệm *mộng - chân* nhưng tất cả cùng là nằm trong chân như vô ngôn.

*Mười hai mùa lá rụng
Đây mùa hương nở xuân
Theo duyên lòng chẳng đổi
Là mộng cũng là chân
(Nở xuân - Giọt trắng)*

Nếu đọc thoáng qua, thơ Quách Tấn như có sự mâu thuẫn, nhưng nhìn sâu thì lại rất thống nhất, vì nội dung thơ ông hướng đến chân lý bản thể: *Lặng xem giàn phi thủy/ Làn trái nắng huỳnh kim/ Lòng không phân chân ngụy/ Ngàn xa đôi tiếng chim (Bên giàn mướp - Giọt trắng)*. Quách Tấn ý thức được rằng mọi sự vật hiện tượng đều biến dịch, nhưng có một cái không bao giờ biến dịch: đó là tâm chân như, bình yên, thiên tịnh. Những trạng thái này không bị khổ não trong ngoài khuấy động, nhờ đó có thể sống an một cõi riêng giữa cuộc đời chung. Ví dụ bài thơ được khắc trên bia mộ của Quách Tấn:

*Nghìn xưa không còn nữa
Nghìn sau rồi cũng không
Phảng phất bờ trăng rạng
Hương Ưu Đàm trở bông
(Thoáng hiện - Mộng Ngân Sơn)*

Minh Đức Triều Tâm Ảnh nhận ra thật tính pháp chỉ đơn giản là đặt mọi chấp trước xuống và bình yên lặng nhìn các pháp tự vận hành. Và theo ông, đau khổ cũng là một thực tính của pháp. Biết chấp nhận và không sở hữu là thái độ sống tỉnh thức của thiền gia khi thâm thấu được triết lý như thị, bản thể, tự tin vào Phật tính, tự tin vào tánh giác có trong mỗi người, tự thấp đuốc đi ngược dòng giữa tử sinh buồn vui trần gian đầy thăng trầm. Cho nên, ông viết:

*Sống như thực
đời mê đời chẳng hiểu
Ta là chân nhân
người thật đã từ lâu
Thương ghét buồn vui
là trăng đùa bóng liễu
Trúc là bên hồ
hoa nắng cợt bèo dâu!*
(Bày tỏ 4)

Giữa cái vô thường của các pháp hữu vi, thơ Viên Minh đậm triết lý Sắc - Không. Thi nhân - thiền sư tin tưởng vào tính giác của mỗi người, chỉ ra sinh - diệt, còn - mất chỉ chi phối được thế giới hiện tượng nhưng bản thể thì chưa từng sinh hay diệt. Thi nhân trải nghiệm thực tính pháp giữa đời thường. Ông thể hiện một tâm hồn trong trẻo, yêu đời, yêu người, vô nhiễm, sống với bản nguyên của các pháp. Vì từ “chân như” luôn bình yên, thanh tịnh, thi nhân sống an vui với cõi riêng trong cuộc đời chung. Đó là “duyên thâm” của thi nhân Phật khi nắm được yếu chỉ của thiền.

*Một thoáng hiện chân như
Vỡ tan bao vọng tưởng
Như bất gặp thái hư
Giữa trùng trùng duyên khởi*
(Một thoáng)

Nguyễn Đức Sơn sống tưởng chừng như mộng mà lại vô cùng tỉnh thức, hồn nhiên, yêu đời, vô hại. Tuy không khẳng định ông tu đắc các trạng thái thiền siêu xuất như các vị thiền sư khác nhưng từ thái độ sống và nội dung thơ chứng tỏ ông bị ảnh hưởng rất lớn bởi phong cách thiền. Ông nhận ra bản chất chân như thật tính của các pháp vốn vô ngôn, vô tướng, nên chấp nhận mọi cung bậc biến đổi của cuộc sống, và tự khai phóng mình ra khỏi bế tắc vô minh trong thái độ sống bình yên trước mọi nghịch cảnh:

*Có bay cao chín tầng trời
chỉ nghe thượng đế ngàn đời nín thinh
có dòm sâu tận cửa mình
cũng không thấy được cái hình thể gian*
(Ngẫu cảm)

Có thể nói, trong thực tính Pháp chân như, tất cả đều không có cái gì là bám chấp. Lẽ đời vốn vạn vật không phải là thường hằng, cho nên các thiền gia nhận chân ra được bản thể luôn khuyến hành giả không nên can thiệp, không đồ thừa, không nên dính mắc vào hai đầu thương - ghét, không đau khổ bất mãn, không chấp trước bất cứ thứ gì, luôn

giữ thái độ bình an; vô ngã; buông xả. Thái độ sống này luôn bắt hại cho mình và mọi người, và đồng thời làm tăng lòng yêu thương, sự đồng cảm thấu hiểu, khiến các mối quan hệ xích lại gần nhau hơn.

2.2. Thể hiện tinh thần tịnh lạc

Tinh thần tịnh lạc hay chính là tinh thần “hiện tại lạc trú”, “cư trần lạc đạo”, “tùy duyên bất biến”, luôn an vui ngay tại đây và ngay bây giờ. Đó là niềm vui sâu thẳm trong nội tâm, là trạng thái lúc nào cũng tràn đầy năng lượng.

Bùi Giáng sống an vui, tự do, phiêu du, bình yên giữa phong ba bão táp cuộc đời: *Áy từ thưở mộng lang thang/ Vu vơ đi khắp miền trong cõi ngoài (Xuống hàng)*. Ông thông tuệ trước các pháp hữu vi đối đãi, sống đơn giản, chân thật với chính mình: *Thuốc lào chè vối dọc ngang/ Con đường quanh quẹo tràn lan nụ cười (Phiêu bồng ngã quẹo)*. Ông hiểu được bản chất của trần gian là giả tạm, tất cả đều là một và một là tất cả, cho nên ông sống an lạc, buông bỏ, không dính chấp: *Bỏ hai chân xuống một vùng nào/ Bỏ hai chân xuống vùng chiêm bao (Bỏ hai chân xuống)*. Trọn vẹn trong giây phút thức tỉnh ngay tại đây và bây giờ, thơ ông đậm chất thiền, sâu sắc trí tuệ bát-nhã. Vì vậy phong cách sống của Bùi Giáng hồn nhiên đến giản dị mà vô cùng an lạc thanh tao trong mỗi khoảnh khắc. Ông thấy do thức tưởng sinh ra phân biệt điên đảo, sự chấp trước hai đầu ghét - yêu làm cho vòng luân hồi lên xuống. Và ông chỉ khuyên nên sống trọn vẹn trong giây phút hiện tại nhiệm màu: *Con chim thì ta biết nó bay/ Con cá thì ta biết nó lội/ Thăng thì sĩ thì ta biết nó làm thơ/ Nhưng thơ là gì/ Thì đó là điều/ Ta không biết (Sa Mạc Trường ca)*. Ông khuyên tất cả mọi sự vật, hiện tượng chỉ nên “biết thì biết nó như vậy”, vì nó có sự vận động theo quy luật riêng của nó, không nên hí luận.

Người giác ngộ hay tinh thức là người đã tự cứu lấy mình ra khỏi bể khổ của tất cả mọi sự ràng buộc và thấy rõ quy luật các pháp vận hành để có thể vượt lên và sống an vui mình và người. Nguyễn Đức Sơn viết: *đầu tiên tôi thờ cái phào/ bao nhiêu phiền não như trào ra theo/ nín hơi tôi thờ cái phèo/ bao nhiêu mộng ảo bay về hư không (Một mình nằm thờ đủ kiểu trên bờ biển)*. Ông nhận ra cái đơn giản mà vô cùng nhiệm màu bởi các pháp trần vốn “nó là như vậy mà cũng không phải là như vậy”. Cho nên ông không bận tâm vướng mắc vào được - mất, hơn - thua, sống - chết:

*Thôi nhè ngàn năm em đi qua
hồn tôi cô tịch bóng trăng tà
trời sinh ra để chiều hôm đó
tôi thấy mây rừng bay rất xa*

(Tôi thấy mây rừng)

Cũng trong tinh thần đề cao hiện hữu, Nhất Hạnh thấy rõ sự nhiệm màu của hiện tại, tinh thức với tinh thần vô ngã, vượt ngoài mọi quy chuẩn thế gian để ra vào “vãng lai tam giới”: *Người lữ khách/ Không chốn khởi hành/ Và không nơi tới/ Kẻ vãng lai tam giới/ Là ai? (Vô khứ vô lai)*. Trong thơ Nhất Hạnh, hạnh phúc nơi hiện tại nhiệm màu chỉ đơn giản như những việc: chắt củi, vo gạo, đổ nước, nấu canh, ăn cơm, trồng rau khoai... Ở thơ ông, tất cả vạn hữu cùng đan xen trong hơi thở hiện tại: *Cán cuốc trên vai, thơ vào ra theo nhịp thở (Thơ từng ôm và mặt trời từng hạt)*.

Tiêu Viên cũng thấy rõ cõi đời mộng ảo nên thông dong tự tại *ngao du, ghé cõi đời, chuốc trà chơi*; sống “tùy nơi ở mà thường an lạc” dẫn cuộc đời có thịnh suy: *Ta: khách ngao du;/ Ghé cõi đời;/ Tay nâng ấm chén,/ Chuốc trà chơi;/ Nhấp thơm một ngụm tan dâu biển./ Khoảnh khắc ngàn năm,/ Vẹn kiếp người (Ghé chơi)*. Với ông, trần gian không có gì phải vội vàng, cuống quýt mà “bình thường tâm thị đạo” (tâm bình thường thì ngay đó là đạo). Cho nên, ông luôn tỉnh thức, thông dong tự tại, làm chủ thân tâm ngay trong mọi sinh hoạt của cuộc sống: *Phục hồi chánh niệm;/ Thờ cho đều./ Thung dung đối đáp trong hiện hữu/ Vọng tưởng khởi rồi chớ nói theo (Thiền điện thoại)*. Trong bất kì thời gian, không gian, hoàn cảnh nào, thơ ông đều cho thấy sự thể nhập vạn vật đến trọn vẹn. Ông khẳng định sức mạnh của tâm tính là vô cùng tận, bất khả tư nghì, có thể từ phàm thành thánh. Thiền sư Viên Minh khuyên mỗi người nên phát huy lối sống không vướng mắc, không mong cầu, không vọng tưởng, không buông thân tâm theo sắc trần, không “vin” chấp vào bất cứ gì. “Buông hết” mọi đối đãi để thấy bình yên nơi thực tại: *Trong ngoài lặng lẽ chẳng vin đâu/ Sáng suốt, hồn nhiên khỏi vọng cầu/ Buông hết một phen đừng luyến tiếc/ Mỏi hay ngay đó thấy đạo màu (An nhiên vô sự)*. Phải *buông hết* thì mới có thể *thấy đạo màu*. Vì chẳng có chỗ nào, nơi nào có thể bám víu, bởi tất cả các pháp hữu vi vốn vô thường và không thực. Cho nên, thiền sư khuyến khích thái độ sống *sáng suốt, hồn nhiên*, để thấy ra chân như Phật tính, không chấp dính hí luận nhận giả làm chân, hòng chấm dứt phiền não vô minh.

Chiều sâu thơ Minh Đức Triều Tâm Ảnh vẫn là những dư âm mạch nguồn của sự giác ngộ vô ngôn từ trong tính Không diệu hữu. Bởi hiểu sâu lý nhân quả nên ông sống trọn vẹn trong từng sát-na tỉnh thức. Ông bình tĩnh nhận ra cái đơn giản mà vô cùng nhiệm màu bởi các pháp trần, không bận tâm vướng mắc vào được - mất, hơn - thua. Ông chúc phúc cho tất cả khi thấy rõ hiện hữu đã tồn tại nguyên sơ trong bản thân mỗi một con người và thấy rằng dù trên phương diện nào họ cũng thật toàn vẹn: *Trần gian/ Trăm việc tạm quên/ Thơ đề góc núi/ Đầy hiên nắng vàng/ Gió trắng/ Thế sự không bàn/ Giác thiền lặng lẽ/ Nhẹ nhàng tình không! (Tình không)*. Minh Đức Triều Tâm Ảnh nhìn tất cả vũ trụ, nhân sinh, cây cỏ, muôn loài đều có sự sống và tất cả đều được trân trọng. Ông thấy hơi thở cũng có thể phủ trùm khắp pháp giới bao la, tự thân nó luôn mang nguồn sống rạo rạt trong cõi đời.

*Hóa ra chỉ thở và cười
Là trăm niềm nổi
Một đời xa bay
Hóa ra
Tỉnh thức phút giây
Là ta thấy rõ
Mặt mày chưa sinh!*

(Hóa ra)

Thơ Minh Đức Triều Tâm Ảnh thẩm thấu được triết lý vô ngã, do hiểu được quy luật vận hành trùng trùng duyên khởi của các pháp. Vì vậy, ông đã sáng tác những vần thơ bình yên, an tịnh, vô cầu, vô nhiễm. Sự bình thân ấy chỉ có ở người thấu hiểu đạo Phật, biết đủ là đủ: *là chẳng còn nào nữa những món quà/ kể cả tôn vinh và trân trọng/ kể cả đắc thiền, đắc tịnh/ sự sống/ chỉ lắng nghe từng ngày/ và từng hơi thở/ buồn vui/ chỉ thân như cát lọt kẽ tay... (Giun đé, hư vô và hạt lửa xanh)*.

Tinh thần tịnh lạc rất quan trọng đối với người con Phật. TK Thiện Hữu cũng quan niệm an lạc từng phút giây, thấy biết như thật, vô trụ. Thơ ông giúp người ta nhìn lại chính mình, nhìn lại cuộc đời để yêu đời tha thiết: *An nhiên không đau khổ/ Thế giới cũng hoan ca/ Khấp mười phương lá đổ/ Thành nhung gấm Ta-bà (Điều mật ba - la)*.

3. KẾT LUẬN

Nhìn chung, tất cả các nội dung triết Phật đều có sự tác động qua lại lẫn nhau, khó mà phân chia rạch ròi, nhưng mạch chung để nhận ra ảnh hưởng bởi triết Phật đó chính là từ bi vô ngã. Tinh thần tích cực này là một điểm đặc biệt của đạo Phật đã được chuyển hóa trong thơ, có giá trị ứng dụng thực tiễn. Đọc thơ với cảm quan Phật giáo, người tiếp nhận khó có thể suy niệm trong tư duy thường thức. Có thể thấy, tinh thần “tịnh lạc” đã được thể hiện nhiều trong thơ của các tác giả xuất gia và Phật tử thuần thành. Thơ có tác dụng như mời gọi người đọc đến để cảm nhận và nhìn ngắm cuộc đời trong từng hơi thở, từng bước chân nhiệm màu của từng khoảnh khắc. Do vậy, ý nghĩa thơ nằm sau các con chữ. Trong sự tĩnh thức, tất cả đều do duyên hợp thành nên thái độ không nắm giữ, sống chậm lại và yêu cuộc đời trong từng sát-na màu nhiệm là thông điệp mà các tác giả gửi gắm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Minh Đức Triều Tâm Ảnh (2021), *Bụi, trắng và lửa*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
- [2] Thích Hạnh Bình (2010), *Đức Phật và những vấn đề thời đại*, Nxb. Phương Đông, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Phan Cảnh (2000), *Ngôn ngữ thơ*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Việt Chiến (2007), *Thơ Việt Nam tìm tòi và cách tân (1975-2000)*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [5] Lê Tiến Dũng (1985), *Thơ Việt Nam 1945-1985*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
- [6] Hà Minh Đức (1998), *Thơ và mấy vấn đề trong thơ Việt Nam hiện đại*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [7] Thích nữ Viên Giác (2020), *Tìm hiểu thơ thiền Việt Nam hiện đại*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [8] Bùi Giáng (2012), *Mưa nguồn*, tái bản lần 6, Nxb. Văn hóa-Văn nghệ, thành phố Hồ Chí Minh.
- [9] Thích Nhất Hạnh (2015), *Bàn tay cũng là hoa*, tái bản lần 2, Nxb. Phương Đông, thành phố Hồ Chí Minh.
- [10] Thích Thiện Hữu (2012), *Một thoáng thiên thu*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
- [11] Viên Minh (2018), *Tĩnh lặng*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [12] Chơn Không Cao Ngọc Phượng (1980), *Thử tìm dấu chân trên cát: Ghi chép về thơ Nhất Hạnh*, Lá Bối, USA.
- [13] Nguyễn Đức Sơn (2020), *Chút lời mệnh mông*, Thư viện Huệ Quang, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- [14] Quách Tấn (2006), *Tuyển tập thơ*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [15] Tiểu Viên (2004), *Những bước chân*, Nxb. Tổng hợp, thành phố Hồ Chí Minh.

TRUTH PHILOSOPHY AND JOYFUL PEACE SPIRIT IN THE MODERN VIETNAMESE POETRY

Dang Thi Dong

ABSTRACT

Buddhism often refers to real truth, egolessness, peace, predestination and see these philosophies as the key points. Vietnamese poetry from 1945 to the present period absorbing the Buddhist spirit has shown that the equal relationship among people, love and lack of love, life and death, the outer world and the world etc. all exist right “here” and “now”. This can be surveyed and clearly seen through the poetry of Buddhist-influenced authors from 1945 to present such as Quach Tan, Bui Giang, Pham Thien Thu, Nhat Hanh, Vien Minh, TK. Thien Huu, Nguyen Duc Son, Minh Duc Trieu Tam Anh, Tieu Vien, etc. The article aims to clarify the philosophy of truth and joyful peace spirit in modern Vietnamese poetry through a number of typical authors.

Keywords: *Buddhist Philosophy, Truth, Peace, Modern Vietnamese Poetry.*

* Ngày nộp bài: 15/9/2020; Ngày gửi phản biện: 17/9/2020; Ngày duyệt đăng: 15/12/2020